

Số: 403/BC-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN  
TẠI KỶ HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2017  
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông  
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh được thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2016 vừa qua, Hội đồng quản trị đã theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã có những chủ trương, quyết định quan trọng giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2016.

**1. Về tình hình nhân sự Hội đồng quản trị trong thời gian tới:**

Ngày 03/3/2017, Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã có Nghị quyết số 525/NQ-HHVN thông qua công tác tái cơ cấu mô hình tổ chức, thị trường Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

Ngày 15/3/2017, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam có Văn bản số 618/HHVN-TCTL về công tác cán bộ; theo đó, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sẽ cử ông Nguyễn Văn Phương, Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn"), làm người đại diện phần vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ, tham gia Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ trong thời gian tới.

Mặt khác, ngày 10/01/2017, bà Lê Thu Thủy đã ủy quyền cho bà Trần Thị Nguyệt được thay mặt thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ tại Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn theo quy định tại Điều lệ của Cảng Sài Gòn và pháp luật hiện hành.

Ngày 07/3/2017, vì điều kiện công tác và theo nguyện vọng của cá nhân, bà Lê Thu Thủy đã có Đơn từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Tại kỳ họp thường niên năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ có Tờ trình về công tác nhân sự như trên để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 đối với ông Nguyễn Văn Phương và bà Lê Thu Thủy như nội dung trên.

- Giữ nguyên (không bổ sung thêm) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn của cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Bầu bà Trần Thị Nguyệt tham gia Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn nhiệm kỳ 2015 – 2020, thay thế bà Lê Thu Thủy theo đề cử của nhóm cổ đông gồm: Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á, sở hữu 28.270.320 cổ phần (chiếm 13,07% vốn điều lệ của Cảng Sài Gòn).

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2016 thực hiện được 10.209.855 tấn, đạt 115% so với kế hoạch năm 2016 và bằng 99,5% so cùng kỳ năm 2015.

- Doanh thu thực hiện năm 2016 là 1.182 tỷ đồng, đạt 153% so với kế hoạch năm 2016 và bằng 113% so cùng kỳ năm 2015.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2016 là 60,4 tỷ đồng, đạt 120,8 % so với kế hoạch năm 2016 và bằng 70,64% so cùng kỳ năm 2015.

- Nộp ngân sách: năm 2016 Cảng Sài Gòn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của nhà nước với số tiền đã nộp là 119 tỷ đồng. Mặt khác, trong năm 2016 Cảng Sài Gòn được hoàn thuế 15 tỷ đồng.

## 3. Một số chỉ tiêu cơ bản trong các Báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

### 3.1 Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán:

#### a/ Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>856.548.912.100</b>
<b>I</b>	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	138.328.988.290
<b>II</b>	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	236.489.861.100
<b>III</b>	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	448.200.870.544
<b>IV</b>	Hàng tồn kho	140	32.798.001.652
<b>V</b>	Tài sản ngắn hạn khác	150	731.190.514
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>3.326.562.651.987</b>
<b>I</b>	Các khoản phải thu dài hạn	210	249.907.680.000
<b>II</b>	Tài sản cố định	220	441.266.912.228
<b>III</b>	Bất động sản đầu tư	230	214.216.156.258
<b>IV</b>	Tài sản dở dang dài hạn	240	32.587.421.003
<b>V</b>	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2.381.616.515.501
<b>VI</b>	Tài sản dài hạn khác	260	6.967.966.997
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>4.183.111.564.087</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>1.918.259.883.480</b>
<b>I</b>	Nợ ngắn hạn	310	567.975.412.666
<b>II</b>	Nợ dài hạn	330	1.350.284.470.814
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420+430)</b>	<b>400</b>	<b>2.264.851.680.607</b>
<b>I</b>	Vốn chủ sở hữu	410	2.183.328.599.194
<b>II</b>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	81.523.081.413
<b>III</b>	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>4.183.111.564.087</b>

#### b/ Báo cáo kết quả kinh doanh

<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>1.182.421.250.514</b>
<b>1.1</b>	<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.073.537.313.273</i>
<b>1.2</b>	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>22.488.006.073</i>
<b>1.3</b>	<i>Thu nhập khác</i>	<i>86.395.931.168</i>
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.121.958.959.776</b>
<b>2.1</b>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>618.105.574.906</i>

2.2	Chi phí tài chính	288.255.745.716
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	211.617.326.127
2.5	Chi phí khác	3.980.313.027
3	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>60.462.290.738</b>
4	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.521.139.620</b>
5	<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(3.820.939.500)</b>
6	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>49.762.090.618</b>

\* **Ghi chú:** Đến ngày 31/12/2016 Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn chưa quyết toán vốn với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

3.2 Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán.

a/ Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>756.662.324.637</b>
<b>I</b>	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	175.480.553.254
<b>II</b>	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	260.589.861.100
<b>III</b>	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	265.801.205.060
<b>IV</b>	Hàng tồn kho	140	35.010.163.239
<b>V</b>	Tài sản ngắn hạn khác	150	19.780.541.984
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>2.685.524.314.758</b>
<b>I</b>	Các khoản phải thu dài hạn	210	250.609.752.486
<b>II</b>	Tài sản cố định	220	491.022.867.946
<b>III</b>	Bất động sản đầu tư	230	214.216.156.258
<b>IV</b>	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.121.050.188.937
<b>V</b>	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	592.651.283.066
<b>VI</b>	Tài sản dài hạn khác	260	15.974.066.065
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>3.442.186.639.395</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>2.051.495.580.771</b>
<b>I</b>	Nợ ngắn hạn	310	643.672.205.912
<b>II</b>	Nợ dài hạn	330	1.407.823.374.859
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420+430+440)</b>	<b>400</b>	<b>1.390.691.058.624</b>
<b>I</b>	Vốn chủ sở hữu	410	2.184.414.054.225
<b>II</b>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-927.140.355.960
<b>III</b>	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	430	133.417.360.359
<b>IV</b>	Nguồn kinh phí và quỹ khác	440	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>3.442.186.639.395</b>

b/ Báo cáo kết quả kinh doanh:

<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>1.307.328.987.905</b>
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.202.018.354.710
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	16.363.406.410
1.3	Thu nhập khác	88.947.226.785